TRƯỜNG THCS LONG BIÊN
TỔ XÃ HỘI

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN 6 - NĂM HỌC 2024 - 2025

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Phạm vi ôn tập

a. Văn bản:

- Truyện truyền thuyết, truyện cổ tích
- Thơ lục bát

b. Tiếng Việt:

- Từ đơn và từ phức (từ phép, từ láy)
- Các biện pháp tu từ (so sánh, nhân hoá, ẩn dụ)

c. Viết

- Kể lại truyện truyền thuyết hoặc cổ tích bằng lời văn của em.
- Đóng vai một nhân vật trong truyện truyền thuyết hoặc cổ tích để kể lại câu chuyện.

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu hỏi định hướng nội dung lí thuyết cần ôn tập

- Câu hỏi về văn bản (thể loại, đề tài, nội dung, ý nghĩa, thông điệp…)
- Câu hỏi về kiến thức tiếng Việt: từ đơn, từ phức (từ ghép, từ láy), các biện pháp tu từ (nhận diện, tác dụng…)

Câu hỏi vận dụng, nâng cao, mở rộng:

- Học sinh biết vận dụng kiến thức để viết bài văn tự sự (kể)
- Viết đoạn văn liên hệ suy nghĩ, cảm nhận từ một vấn đề được nêu ra trong văn bản.

II. MỘT SỐ BÀI TẬP CỤ THỂ:

PHẦN 1. ĐỌC – HIỂU

<u>Bài tập 1:</u> Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới

Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lên sống trên cạn, sức khoẻ vô địch, có nhiều phép lạ. Thần giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh - những loài yêu quái bấy lâu làm hại dân lành. Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Xong việc, thần thường về thuỷ cung với mẹ, khi có việc cần, thần mới hiện lên.

Bấy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần. Nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, nàng bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng, cùng chung sống trên cạn ở cung điện Long Trang.

Ít lâu sau, Âu Cơ có mang. Đến kì sinh, chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng; trăm trứng nở ra một trăm người con hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khỏe mạnh như thần.

Thế rồi một hôm, Lạc Long Quân vốn quen ở nước, cảm thấy mình không thể sống mãi trên cạn được, đành từ biệt Âu Cơ và đàn con để trở về thủy cung với mẹ. Âu Cơ ở lại một mình nuôi đàn con, tháng ngày chờ mong, buồn tủi. Cuối cùng nàng gọi chồng lên và than thở.

– Sao chàng bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi đàn con nhỏ?

Lạc Long Quân nói:

– Ta vốn nòi rồng ở miền nước thẳm, nàng là dòng tiên ở chốn non cao. Kẻ ở cạn, người ở nước, tính tình tập quán khác nhau, khó mà ăn ở cùng nhau một nơi lâu dài được. Nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương. Kẻ miền núi, người miền biển, khi có việc gì thì giúp đỡ lẫn nhau, đừng quên lời hẹn.

Âu Cơ và trăm con nghe theo, rồi cùng nhau chia tay nhau lên đường.

Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ, con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mị nương, khi cha chết thì được truyền ngôi cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy danh hiệu Hùng Vương, không hề thay đổi.

Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta con cháu vua Hùng, thường nhắc đến nguồn gốc của mình là con Rồng cháu Tiên.

(Truyện *Con Rồng, cháu Tiên*)

Ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Truyện *Con Rồng, cháu Tiên* thuộc thể loại nào?

A. Truyện đồng thoại. B. Truyện cổ tích.

C. Truyện truyền thuyết. D. Truyện cười.

Câu 2. Chi tiết "Lạc Long Quân đưa năm mươi người con xuống biển, Âu Cơ đưa năm mươi người con lên núi" cho thấy điều gì?

A. Lạc Long Quân và Âu Cơ nòi giống khác nhau.

B. Người dân Việt Nam dù sống ở miền núi hay miền biển đều là anh em một nhà, là con Rồng cháu Tiên.

C. Lạc Long Quân cần đưa các con đi xây dựng thủy cung

D. Nỗi buồn vì chia ly.

Câu 3. Trong câu: "Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khỏe mạnh như thần" sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Nhân hóa. B. So sánh.

C. Ẩn dụ. D. Điệp ngữ.

Câu 4. Đâu là chi tiết kì ảo trong đoạn trích trên?

A. Âu Cơ và Lạc Long Quân chia con.

B. Âu Cơ xinh đẹp tuyệt trần

C. Âu Cơ và Lạc Long Quân nên duyên vợ chồng

D. Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng nở ra trăm người con

Câu 5. Tác giả dân gian đã sử dụng từ ngữ nào để miêu tả đặc điểm của một trăm người con?

A. Xinh xắn, đáng yêu. B. Hồng hào, đẹp đẽ.

C. Trắng trẻo. D. Lanh lợi, hoạt bát.

Câu 6. Ý nghĩa nổi bật của hình tượng "bọc trăm trứng" là gì?

A. Ca ngợi công lao sinh nở kì diệu của Lạc Long Quân và Âu Cơ.

B. Tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào dân tộc.

C. Nhắc nhở mọi người, mọi dân tộc trên đất nước Việt Nam yêu thương nhau như người một nhà.

D. Sự kì diệu của bọc trăm trứng.

Câu 7. Từ "thủy cung" được hiểu là?

A. Cung điện ở dưới nước B. Cung điện

C. Cung tên được làm bằng nước. D. Mũi tên được làm bằng nước.

Câu 8. Tác dụng biểu đạt của từ "than thở" trong câu: "Cuối cùng nàng gọi chồng lên và than thở."

A. Gợi âm thanh giọng nói của Âu Cơ

B. Gợi ra khung cảnh trò chuyện giữa Âu Cơ và Lạc Long Quân.

C. Gợi ra tâm sự buồn tủi của nàng Âu Cơ.

D. Vừa gợi được dáng vẻ vừa gợi được tâm sự buồn tủi của nàng Âu Cơ.

Dựa vào ngữ liệu trên trả lời câu hỏi.

Câu 9. Viết lại hai câu văn có chứa chi tiết kì ảo trong câu chuyện trên.

Câu 10. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh có trong đoạn trích trên.

Câu 11. Qua truyện trên, em có suy nghĩ gì về truyền thống đoàn kết của dân tộc ta và trách nhiệm của học sinh trong việc gìn giữ, phát huy truyền thống ấy?

<u>Bài tập 2:</u> Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới

SỌ DỪA

Ngày xưa, có hai vợ chồng nghèo đi ở cho một nhà phú ông. Họ hiền lành, chịu khó nhưng đã ngoài năm mươi mà vẫn chưa có con.

Một hôm, trời nắng to, người vợ vào rừng hái củi cho chủ, khát nước quá mà không tìm thấy suối. Thấy cái sọ dừa bên gốc cây to đựng đầy nước mưa, bà bưng lên uống. Thế rồi bà có mang.

Chẳng bao lâu, người chồng mất. Bà sinh ra một đứa bé không chân không tay, tròn như một quả dừa. Bà buồn lắm, toan vứt đi thì đứa con bảo:

- *Mẹ ơi, con là người đấy. Mẹ đừng vứt con đi mà tội nghiệp.*

Nghĩ lại, thấy thương con, bà đành để con lại nuôi và đặt tên cho nó là Sọ Dừa.

Lớn lên, Sọ Dừa vẫn không khác lúc nhỏ, cứ lăn lông lốc trong nhà, chẳng làm được việc gì. Một hôm, bà mẹ than phiền:

- *Con nhà người ta bảy, tám tuổi đã đi chăn bò. Còn mày thì chẳng được cái tích sự gì.*

Sọ Dừa nói:

- *Gì chứ chăn bò thì con chăn cũng được. Mẹ cứ nói với phú ông cho con đến ở chăn bò.*

Nghe con giục, bà mẹ đến hỏi phú ông. Phú ông ngần ngại. Cả đàn bò giao cho thằng bé không ra người không ra ngợm ấy, chăn dắt làm sao? Nhưng mà nuôi nó thì được cái ít tốn cơm, công sá chẳng là bao, hơn nuôi đứa khác nhiều. Thôi cứ thử xem!

Thế là Sọ Dừa đến ở nhà phú ông. Cậu chăn bò rất giỏi. Hằng ngày, Sọ Dừa lăn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lăn sau đàn bò về chuồng. Ngày nắng cũng như ngày mưa, bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm.

Ngày mùa, tôi tớ ra đồng làm cả, phú ông có ba cô con gái thay phiên nhau đưa cơm cho Sọ Dừa. Hai cô chị ác nghiệt, kiêu kì, thường hắt hủi Sọ Dừa; còn cô em út hiền lành, tính hay thương người, đối đãi với Sọ Dừa rất tử tế.

Một hôm, cô út vừa mang cơm đến dưới chân đồi thì nghe tiếng sáo véo von. Cô lấy làm lạ, rón rén bước lên, nấp sau bụi cây rình xem, thì thấy một chàng trai khôi ngô đang ngồi trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. Có tiếng động, chàng trai biến mất, chỉ thấy Sọ Dừa nằm lăn lóc ở đấy. Nhiều lần như thế, cô gái biết Sọ Dừa không phải là người phàm trần. Cô đem lòng yêu, có của ngon vật lạ đều giấu đem cho chàng.

Cuối mùa ở, Sọ Dừa về giục mẹ đến hỏi con gái phú ông làm vợ. Bà mẹ hết sức sửng sốt, nhưng thấy con năm nỉ cũng chiều lòng, đành kiếm buồng cau mang đến nhà phú ông. Phú ông cười mỉa:

- *Ừ, được! Muốn hỏi con gái ta, hãy về sắm đủ một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm đem sang đây.*

Bà mẹ về nói với Sọ Dừa, nghĩ là con thôi hẳn việc đòi lấy vợ. Không ngờ Sọ Dừa bảo với mẹ rằng sẽ có đủ những thứ ấy.

Đúng ngày hẹn, bà mẹ vô cùng ngạc nhiên vì trong nhà tự nhiên có bao nhiêu là sính lễ. Lại có cả chục giai nhân ở dưới nhà chạy lên khiêng lễ vật sang nhà phú ông. Phú ông hoa cả mắt. Lão lúng túng nói với bà cụ:

- *Để ta hỏi con gái ta, xem có đứa nào ưng lấy thằng Sọ Dừa không đã.*

Lão gọi ba con gái ra, hỏi từng người một. Hai cô chị bĩu môi, chê bai. Còn cô út e lệ, cúi mặt xuống, tỏ ý bằng lòng. Phú ông đành phải nhận lễ và gả cô con gái út cho Sọ Dừa.

Ngày cưới, trong nhà Sọ Dừa cỗ bàn thật linh đình, giai nhân chạy ra chạy vào tấp nập. Đúng lúc rước dâu, không ai thấy Sọ Dừa đâu cả. Bỗng một chàng trai khôi ngô tuấn tú cùng cô út của phú ông từ phòng cô dâu đi ra. Mọi người đều sửng sốt, mừng rỡ. Còn hai cô chị vợ của Sọ Dừa thì vừa tiếc, vừa ghen tức.

Hai vợ chồng Sọ Dừa ở với nhau rất hạnh phúc. Không những thế, Sọ Dừa còn tỏ ra thông minh khác thường, ngày đêm miệt mài đèn sách, chờ khoa thi. Năm ấy, Sọ Dừa đỗ trạng nguyên. Chẳng bao lâu, có chiếu nhà vua sai quan trạng đi sứ. Khi chia tay, quan trạng đưa cho vợ một hòn đá lửa, một con dao và hai quả trứng gà, dặn phải giắt luôn trong người phòng khi dùng đến.

Từ ngày cô em út lấy được chồng trạng nguyên, hai cô chị càng sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà trạng. Nhân quan trạng đi sứ vắng, hai cô chị sang chơi, rủ em chèo thuyền ra biển, rồi đẩy em xuống nước. Một con cá kình nuốt chửng cô em vào bụng. Sẵn có con dao, cô em đâm chết cá, xác cá nổi lềnh bềnh trên mặt biển, rồi dạt vào một hòn đảo. Cô lại lấy dao khoét bụng cá chui ra, lấy hai hòn đá cọ mạnh vào nhau, bật lửa lên, rồi xẻo thịt cá nướng ăn, sống qua ngày, chờ có thuyền đi qua thì gọi vào cứu. Hai quả trứng cũng nở thành một đôi gà đẹp, làm bạn với cô giữa đảo hoang vắng. Một hôm, có chiếc thuyền cắm cờ đuôi nheo lướt qua đảo. Con gà trống nhìn thấy, gáy to ba lần:

Ò...ó...o

Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về.

Quan trạng cho thuyền vào xem. Vợ chồng gặp nhau, mừng mừng tủi tủi. Về nhà, quan trạng mở tiệc mừng, mời bà con đến chia vui, nhưng lại giấu vợ trong buồng không cho ra mắt. Hai cô chị tranh nhau kể chuyện cô em rủi ro rồi khóc nức nở ra chiều thương tiếc lắm. Quan trạng không nói gì. Tiệc xong, quan trạng cho gọi vợ ra. Hai người chị xấu hổ quá, lén ra về lúc nào không ai hay và từ đó bỏ đi biệt xứ.

(Theo Nguyễn Đổng Chi và Trương Chính)

Câu 1. Truyện *Sọ Dừa* thuộc thể loại nào?

A. Truyện đồng thoại.
B. Truyện cổ tích.
C. Truyện truyền thuyết.
D. Truyện cười.

Câu 2. Câu chuyện *Sọ Dừa* tập trung kể về số phận và cuộc đời của nhân vật nào?

A. Sọ Dừa
B. Mẹ của Sọ Dừa
C. Phú ông
D. Cô con gái của phú ông

Câu 3. Trong câu: "Bà sinh ra một đứa bé không chân không tay, tròn như một quả dừa." sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Nhân hóa
B. So sánh
C. Ẩn dụ
D. Liệt kê

Câu 4. Sọ Dừa đã chính thức lột bỏ lớp vỏ xấu xí khi nào?

A. Trong lần cuối chăn bò
B. Trong ngày cưới cô út
C. Trong lần nhờ mẹ đi hỏi vợ
D. Trong lần đến ở nhà phú ông

Câu 5. Truyện *Sọ Dừa* đề cao điều gì?

A. Những con người có tài năng siêu phàm, trí tuệ kiệt xuất và rất thành công.
B. Những người thấp cổ bé họng nhưng hiền lành, có tính hay thương người.
C. Giá trị đích thực của con người và tình thương đối với người bất hạnh.
D. Giá trị thẩm mĩ, thể hiện chủ yếu ở vẻ đẹp ngoại hình của con người.

Câu 6. Qua chi tiết cô út hưởng hạnh phúc, hai cô chị phải bỏ nhà đi, tác giả dân gian thể hiện ước mơ gì?

A. Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo
B. Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau
C. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn
D. Một giọt máu đào hơn ao nước lã

Câu 7. Trong câu văn sau có mấy từ láy?

Cô lấy làm lạ, rón rén bước lên, nấp sau bụi cây rình xem, thì thấy một chàng trai khôi ngô đang ngồi trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ.

A. Một từ láy
B. Hai từ láy
C. Ba từ láy
D. Bốn từ láy

Câu 8. Vì sao cô con gái út của phú ông đem lòng yêu Sọ Dừa?

A. Vì cô thương xót cho hoàn cảnh của Sọ Dừa
B. Vì cô là người hiền lành, có tình thương người.
C. Vì hai cô chị ác nghiệt, kiêu kì, thường xuyên hắt hủi Sọ Dừa
D. Vì cô biết Sọ Dừa thực chất là một chàng trai khôi ngô, tài giỏi.

Câu 9. Tìm hai chi tiết hoang đường, kì ảo trong truyện.

Câu 10. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh có trong văn bản trên.

Câu 11. Qua việc thể hiện sự đối lập giữa hình thức bên ngoài và phẩm chất bên trong của nhân vật, tác giả dân gian muốn nói điều gì?

<u>Bài tập 3:</u> Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới

SỰ TÍCH CÂY KHOAI LANG

Ở bìa rừng, có hai bà cháu nghèo khổ sinh sống. Hằng ngày, hai bà cháu phải đi đào củ mài để ăn. Một hôm, cậu bé nói với bà:

- Bà ơi, cháu đã lớn. Cháu sẽ làm nương, trồng lúa để có gạo nấu cơm. Từ đó, cậu bé chăm chỉ trồng cây trên nương.

Năm đó, gần đến ngày thu hoạch lúa thì chẳng may khu rừng bị cháy. Nương lúa thành tro. Cậu bé buồn quá, nước mắt trào ra. Bỗng, Bụt hiện lên, bảo:

- Ta cho con một điều ước, con ước gì?

- Dạ, con chỉ mong bà của con không bị đói khổ.

Bụt gật đầu và biến mất.

Hôm ấy, cậu bé đào được củ gì rất lạ. Củ bị lửa rừng hun nóng, có mùi thơm ngòn ngọt. Cậu bé nếm thử, thấy rất ngon, bèn đào thêm mấy củ nữa đem về cho bà. Bà tấm tắc khen ngon và thấy khỏe hẳn ra. Cậu bé kể lại câu chuyện gặp Bụt cho bà nghe, bà nói:

- Vậy củ này chính là Bụt ban cho đấy. Cháu hãy vào rừng tìm thứ cây quý đó đem trồng khắp bìa rừng, bờ suối để người nghèo có cái ăn.

Cậu bé làm theo lời bà dặn. Chỉ mấy tháng sau, loài cây lạ mọc khắp nơi, rễ cây phình to ra thành củ có màu tím đỏ. Từ đó, nhà nhà hết đói khổ. Mọi người gọi cây đó là "khoai lang". Đến bây giờ, khoai lang vẫn được nhiều người ưa thích.

(Theo sách Tiếng Việt lớp 2, bộ *Kết nối Tri thức với cuộc sống*).

Câu 1. Truyện *Sự tích cây khoai lang* thuộc thể loại nào?

A. Truyện cổ tích. B. Truyện đồng thoại.

C. Truyền thuyết. D. Thần thoại.

Câu 2. Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất. B. Ngôi thứ ba.

C. Ngôi thứ hai. D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba.

Câu 3. Trong câu văn: "Củ bị lửa rừng hun nóng, có mùi thơm ngòn ngọt", từ "ngòn ngọt" có ý nghĩa là:

A. hơi ngọt. B. rất ngọt.

C. cực kì ngọt. D. ngọt đậm.

Câu 4. Trong câu chuyện trên, nhân vật người cháu có những phẩm chất gì?

A. Nhân ái, chăm chỉ. B. Yêu nước.

C. Lười biếng, ích kỉ. D. Cao thượng, lương thiện.

Câu 5. Trong truyện, vì sao ông Bụt lại xuất hiện và giúp đỡ cậu bé?

A. Vì em vốn là đứa trẻ hiếu động. B. Vì em thành tâm cầu xin Bụt giúp đỡ.

C. Vì em là một cậu bé hiếu thảo. D. Vì em siêng năng.

Câu 6. Chủ đề của truyện *Sự tích cây khoai lang* là:

A. Ca ngợi ý nghĩa các loài cây. B. Ca ngợi tình bà cháu.

C. Ca ngợi tình mẫu tử. D. Ca ngợi tình chị em.

Câu 7. Câu văn sau có mấy từ ghép?

"Cháu hãy vào rừng tìm thứ cây quý đó đem trồng khắp bìa rừng, bờ suối để người nghèo có cái ăn."

A. Hai từ ghép B. Ba từ ghép

C. Bốn từ ghép D. Năm từ ghép

Câu 8: Đâu là chi tiết kì ảo trong câu chuyện trên:

A. *Hằng ngày, hai bà cháu phải đi đào củ mài để ăn.*

B. *Bụt gật đầu và biến mất.*

C. *Chỉ mấy tháng sau, loài cây lạ mọc khắp nơi, rễ cây phình to ra thành củ có màu tím đỏ.*

D. *Mọi người gọi cây đó là "khoai lang"*

Câu 9. Kể tên một văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn 6 cùng thể loại với câu chuyện trên? Chỉ ra điểm giống nhau về chi tiết nghệ thuật giữa hai câu chuyện đó?

Câu 10. Chỉ ra các chi tiết kì ảo xuất hiện trong câu chuyện trên.

Câu 11. Qua câu chuyện trên, em rút ra được bài học gì? Từ nội dung văn bản trên, em hãy kể một số việc làm thể hiện tình cảm của em với người thân. (Trả lời bằng đoạn văn khoảng 3-5 câu)

<u>Bài tập 4:</u> Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới

LỤC BÁT VỀ CHA

"Cánh cò cõng nắng qua sông

*Chở luôn **nước mắt** cay nồng của cha*
Cha là một dải ngân hà
*Con là **giọt nước** sinh ra từ nguồn*
*Quê nghèo **mưa nắng** trào tuôn*
Câu thơ cha dệt từ muôn thăng trầm
Thương con cha ráng sức ngâm
Khổ đau, hạnh phúc nảy mầm từ hoa
Lúa xanh, xanh mướt đồng xa
Dáng quê hòa với dáng cha hao gầy
Cánh diều con lướt trời mây
Chở câu lục bát hao gầy tình cha."

(Thích Nhuận Hạnh)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào?
A. Thơ bốn chữ
B. Thơ tự do
C. Thơ năm chữ
D. Thơ lục bát

Câu 2. Dòng thơ thứ 2 và 3 của bài thơ được gieo vần gì?
A. Vần lưng – vần cách
B. Vần lưng – vần liền
C. Vần chân – vần liền
D. Vần chân – vần cách

Câu 3. Xét về cấu tạo, các từ in đậm trong bài thơ trên thuộc loại từ gì?
A. Từ đơn
B. Từ ghép
C. Từ láy bộ phận
D. Từ láy toàn bộ

Câu 4. Bài thơ trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?
A. Tự sự
B. Miêu tả
C. Nghị luận
D. Biểu cảm

Câu 5. Câu thơ "Cánh cò cõng nắng qua sông" sử dụng biện pháp tu từ gì?
A. Điệp ngữ
B. So sánh
C. Liệt kê
D. Nhân hoá

Câu 6. Dòng nào sau đây nêu đúng nghĩa của từ "thăng trầm" trong bài thơ?
A. Nhịp điệu trầm – bổng (cao – thấp) trong câu thơ
B. Ổn định, hạnh phúc trong cuộc sống
C. Đáng thương, khổ sở, nhiều niềm đau
D. Không ổn định, lúc thịnh lúc suy trong cuộc đời

Câu 7. Trong bài thơ trên, người cha được khắc họa qua những hình ảnh nào?
A. Nước mắt cay nồng, dáng hao gầy
B. Nước mắt cay nồng, dáng hao gầy, quê nghèo
C. Dáng hao gầy, quê nghèo, cánh diều
D. Cánh diều, nước mắt cay nồng, cánh cò

Câu 8. Dòng nào sau đây nêu chính xác nội dung chính của bài thơ?
A. Tô đậm tình yêu thương của mẹ dành cho con
B. Thể hiện sự nỗ lực và vươn lên từ cuộc sống nghèo khổ
C. Nhấn mạnh vào sự bảo vệ, che chở của cha mẹ dành cho con
D. Ca ngợi tình yêu thương và đức hi sinh, dành tất cả vì con của cha

Câu 9. Xét về cấu tạo từ, từ "hao gầy" thuộc loại từ gì? Theo em, từ "hao gầy" trong bài thơ trên mang ý nghĩa gì?

Câu 10. Chỉ ra và cho biết tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

"Cha là một dải ngân hà
Con là giọt nước sinh ra từ nguồn"

Câu 11. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 3 đến 5 câu), trình bày thông điệp cuộc sống mà em rút ra được sau khi đọc bài thơ *"Lục bát về cha"* của Thích Nhuận Hạnh.

<u>Bài tập 5:</u> Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới

TÓC CỦA MẸ TÔI

Phạn Thị Thanh Nhàn

Mẹ tôi hong tóc buổi chiều
Quay quay bụi nước bay theo gió đồng
Tóc dài mẹ xoã sau lưng
Bao nhiêu sợi bạc chen cùng sợi đen.

Tóc sâu của mẹ, tôi tìm
Ngón tay lần giữa ấm mềm yêu thương
Bao nhiêu sợi bạc màu sương
Bấy nhiêu lần mẹ lo buồn vì tôi.

Con ngoan rồi đấy mẹ ơi
Ước gì tóc mẹ bạc rồi lại xanh.

(*Con muốn mặc áo đỏ đi chơi*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2016)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào?
A. Thơ lục bát
B. Thơ tự do
C. Thơ năm chữ
D. Thơ bảy chữ

Câu 2. Người bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ trong bài thơ xuất hiện qua các đại từ nào?
A. Tôi, mẹ
B. Mẹ, con
C. Tôi, con
D. Mẹ, tôi, con

Câu 3. Dòng nào sau đây chứa cặp từ trái nghĩa?
A. Dài – bạc; dài – đen
B. Bạc – đen; bạc – xanh
C. Bạc – sâu; sâu – sương
D. Ấm – mềm; lo – buồn

Câu 4. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ "Ước gì tóc mẹ bạc rồi lại xanh"?
A. Hoán dụ
B. So sánh
C. Nhân hoá
D. Ẩn dụ

Câu 5. Qua các dòng thơ trực tiếp nói về tóc mẹ, người con cho thấy điều gì ở mẹ của mình?
A. Người mẹ vẫn còn trẻ
B. Người mẹ rất vất vả
C. Người mẹ đã già
D. Người mẹ rất giản dị

Câu 6. Nghĩa của từ "hong" trong bài thơ là gì?
A. Làm cho khô bằng cách trải ra chỗ có nắng
B. Làm cho khô đi bằng cách để ở chỗ thoáng gió
C. Làm cho sạch bằng nước và các chất làm sạch
D. Làm cho thẳng mượt, sạch bằng cách dùng lược

Câu 7. Ở khổ (2), người con thể hiện tình cảm gì với mẹ?
A. Biết ơn, kính trọng mẹ

B. Thương mẹ vì mẹ tảo tần, vất vả
C. Lo lắng, sợ hãi khi thấy mẹ đã già
D. Quan tâm, thấu hiểu và cảm thấy có lỗi với mẹ

Câu 8. Nhận định nào không đúng về nghệ thuật của bài thơ?
A. Sử dụng thể thơ lục bát với giọng điệu trữ tình, tha thiết
B. Kết hợp giữa các phương thức biểu cảm với tự sự và miêu tả
C. Sử dụng nhiều biện pháp tu từ để tăng tính gợi hình, gợi cảm cho lời thơ
D. Có nhiều câu thơ mang tính suy ngẫm, triết lí

Câu 9. Người con ước điều gì qua dòng thơ "Ước gì tóc mẹ bạc rồi lại xanh"? Vì sao người con lại ước điều đó.

Câu 10. Chỉ ra và cho biết tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

Bao nhiêu sợi bạc màu sương
Bấy nhiêu lần mẹ lo buồn vì tôi.

Câu 11. Bài thơ khơi gợi ở em những cảm xúc, suy nghĩ gì về người mẹ của mình? Em mong muốn làm điều gì cho mẹ?

PHẦN 2. VIẾT

Em hãy lập dàn ý cho các đề bài sau:

Đề 1: Hãy kể lại một truyện truyền thuyết mà em biết bằng lời văn của em.

Đề 2: Trong kho tàng văn học dân gian có rất nhiều câu chuyện cổ tích hay và hấp dẫn. Em hãy kể lại một câu chuyện cổ tích mà em thấy tâm đắc nhất bằng lời văn của em.

Đề 3: Đóng vai một nhân vật trong truyện thuyền thuyết hoặc cổ tích mà em yêu thích để kể lại câu chuyện.

IV. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Hình thức: Trắc nghiệm, tự luận.

2. Thời gian: 90 phút

Long Biên ngày 15 tháng 10 năm 2024

NGƯỜI LẬP ĐỀ CƯƠNG	TỔ TRƯỞNG	KT.HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Dương Mỹ Linh	Nguyễn Thị Bích Thuận	Chử Thị Thu Hường